Cơ quan phát hành: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 50/2026/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 02 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về tín dụng đối với học sinh, sinh viên

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15; Luật số 96/2025/QH15; Luật số Luật số 23/2026/QH16;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị định số 376/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về tín dụng đối với học sinh, sinh viên.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về chính sách tín dụng đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn để góp phần hỗ trợ trang trải chi phí cho việc học tập, sinh hoạt của học sinh, sinh viên (bao gồm tiền học phí, chi phí mua sắm sách vở, phương tiện học tập, chi phí ăn ở, đi lại và các khoản chi phí sinh hoạt, học tập khác) trong thời gian theo học các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục khác có hoạt động giáo dục đại học, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam (sau đây gọi tắt là các cơ sở đào tạo).

2. Đối tượng áp dụng:

a) Ngân hàng Chính sách xã hội;

b) Khách hàng vay vốn theo quy định tại Quyết định này;

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Đối tượng vay vốn

Học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn là công dân Việt Nam theo học tại các cơ sở đào tạo gồm:

1. Học sinh, sinh viên thuộc các trường hợp sau:

a) Mồ côi cha và mẹ; hoặc cả cha và mẹ cùng không có khả năng lao động hoặc mất năng lực hành vi dân sự hoặc mất tích theo quy định của Bộ luật Dân sự và pháp luật liên quan;

b) Mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại không có khả năng lao động hoặc mất năng lực hành vi dân sự hoặc mất tích theo quy định của Bộ luật Dân sự và pháp luật liên quan.

2. Học sinh, sinh viên là thành viên của hộ gia đình thuộc một trong các đối tượng:

a) Hộ nghèo theo chuẩn quy định của pháp luật;

b) Hộ cận nghèo theo chuẩn quy định của pháp luật;

c) Hộ có mức sống trung bình theo chuẩn quy định của pháp luật.

3. Học sinh, sinh viên mà gia đình gặp khó khăn về tài chính do tai nạn, bệnh tật, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh trong thời gian theo học có xác nhận hằng năm của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Phương thức cho vay

1. Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho vay thông qua hộ gia đình. Đại diện hộ gia đình của học sinh, sinh viên là người đứng tên vay vốn và giao dịch với Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Trường hợp hộ gia đình không còn thành viên nào từ đủ 18 tuổi trở lên hoặc thành viên còn lại không có khả năng lao động hoặc không có năng lực hành vi dân sự hoặc mất tích theo quy định của pháp luật, học sinh sinh viên trực tiếp đứng tên vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Điều kiện vay vốn

1. Học sinh, sinh viên thuộc đối tượng vay vốn quy định tại Điều 2 Quyết định này.

2. Đối với học sinh, sinh viên năm thứ nhất phải có giấy báo trúng tuyển hoặc xác nhận của cơ sở đào tạo theo quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

3. Đối với học sinh, sinh viên từ năm thứ hai trở đi hằng năm phải có xác nhận của cơ sở đào tạo về việc đang theo học tại cơ sở đào tạo theo quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này để Ngân hàng Chính sách xã hội có căn cứ giải ngân vốn vay.

Điều 5. Mức vốn cho vay

1. Mức vốn cho vay tối đa là 8.000.000 đồng/tháng/học sinh, sinh viên.

2. Ngân hàng Chính sách xã hội xem xét, quyết định mức cho vay cụ thể đối với học sinh, sinh viên căn cứ vào nhu cầu vay vốn của khách hàng và mức thu học phí của cơ sở đào tạo nhưng không vượt quá mức cho vay tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Ngân hàng Chính sách xã hội báo cáo Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, điều chỉnh mức vốn cho vay tối đa trong từng thời kỳ, phù hợp với biến động giá cả và mức thu học phí của cơ sở đào tạo.

Điều 6. Thời hạn cho vay

1. Thời hạn cho vay là khoảng thời gian được tính từ ngày khách hàng vay vốn bắt đầu được giải ngân vốn vay cho đến ngày trả hết nợ (gốc và lãi) quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký giữa các bên. Thời hạn cho vay bao gồm: thời hạn giải ngân vốn vay, thời gian kể từ ngày người học kết thúc khóa học (ngày người học kết thúc khóa học là ngày người học được cơ sở đào tạo công nhận tốt nghiệp theo quy định của pháp luật) đến khi bắt đầu trả khoản nợ vay đầu tiên và thời hạn trả nợ.

2. Thời hạn giải ngân vốn vay là khoảng thời gian tính từ ngày khách hàng vay vốn nhận khoản vay đầu tiên cho đến ngày học sinh, sinh viên kết thúc khóa học, kể cả thời gian học sinh, sinh viên được các cơ sở đào tạo cho phép nghỉ học tạm thời và được bảo lưu kết quả học tập (nếu có):

a) Thời hạn giải ngân vốn vay được chia thành các kỳ hạn giải ngân vốn vay do Ngân hàng Chính sách xã hội quy định hoặc thoả thuận với khách hàng vay vốn;

b) Ngân hàng Chính sách xã hội không giải ngân vốn vay trong thời gian học sinh, sinh viên được các cơ sở đào tạo cho phép nghỉ học tạm thời và được bảo lưu kết quả học tập (nếu có) hoặc bị buộc thôi học hoặc tự thôi học;

c) Trong thời hạn giải ngân vốn vay, khách hàng vay vốn chưa phải trả nợ gốc và lãi; lãi tiền vay được tính kể từ ngày khách hàng vay vốn nhận khoản vay đầu tiên đến ngày trả hết nợ gốc.

3. Kể từ ngày người học kết thúc khóa học 12 tháng theo quy định, khách hàng vay vốn phải trả nợ gốc và lãi tiền vay lần đầu tiên. Khách hàng vay vốn có thể trả nợ trước hạn mà không chịu lãi phạt trả nợ trước hạn.

4. Thời hạn trả nợ do Ngân hàng Chính sách xã hội quyết định, tối đa bằng thời hạn giải ngân vốn vay trừ đi thời gian người học được các cơ sở đào tạo cho phép nghỉ học tạm thời và được bảo lưu kết quả học tập (nếu có). Thời hạn trả nợ được chia thành các kỳ hạn trả nợ với mức trả nợ mỗi kỳ do Ngân hàng Chính sách xã hội quyết định theo nguyên tắc giảm thiểu áp lực tài chính tập trung tại một thời điểm cho khách hàng để giảm thiểu rủi ro trong hoạt động tín dụng. Riêng đối với các chương trình đào tạo có thời gian đào tạo không quá một năm, thời hạn trả nợ tối đa bằng hai lần thời hạn giải ngân vốn vay.

Điều 7. Lãi suất cho vay và đồng tiền cho vay

1. Lãi suất cho vay đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn quy định tại Quyết định này bằng lãi suất cho vay đối với hộ nghèo theo từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quy định.

2. Lãi suất nợ quá hạn được tính bằng 130% lãi suất cho vay.

3. Đồng tiền cho vay và trả nợ là đồng Việt Nam.

Điều 8. Hồ sơ, trình tự, thủ tục vay vốn và trả nợ vốn vay

Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục vay vốn và trả nợ vốn vay, bảo đảm các nguyên tắc sau:

1. Đơn giản, rõ ràng và dễ thực hiện.

2. Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động cho vay, thu nợ, quản lý hồ sơ tín dụng và cung cấp các dịch vụ đối với khách hàng vay vốn phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện thực tế của Ngân hàng Chính sách xã hội; bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu với các cơ quan, tổ chức có liên quan; bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu khách hàng vay vốn theo quy định của pháp luật.

3. Phù hợp với quy định tại Quyết định này và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 9. Bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay

Khách hàng vay vốn theo quy định tại Quyết định này không phải thực hiện biện pháp bảo đảm nghĩa vụ trả tiền vay.

Điều 10. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ và chuyển nợ quá hạn

1. Trường hợp khách hàng vay vốn gặp khó khăn chưa trả được nợ vay đúng hạn theo kỳ hạn trả nợ và có đơn đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, Ngân hàng Chính sách xã hội xem xét, quyết định điều chỉnh kỳ hạn trả nợ cho khách hàng vay vốn, đảm bảo phù hợp với khả năng trả nợ của khách hàng và an toàn vốn của ngân hàng, nhưng không làm thay đổi kỳ hạn trả nợ cuối cùng.

2. Trường hợp khách hàng vay vốn gặp khó khăn chưa trả được nợ đúng hạn theo kỳ hạn trả nợ cuối cùng và có đơn đề nghị gia hạn nợ, Ngân hàng Chính sách xã hội xem xét, quyết định gia hạn nợ cho khách hàng vay vốn đảm bảo phù hợp với khả năng trả nợ của khách hàng và an toàn vốn của ngân hàng; thời gian gia hạn nợ tối đa bằng 1/2 thời hạn trả nợ.

3. Trường hợp khách hàng vay vốn sử dụng vốn vay không đúng mục đích hoặc không trả được nợ đúng hạn và không được Ngân hàng Chính sách xã hội chấp thuận điều chỉnh kỳ hạn trả nợ hoặc gia hạn nợ, Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc sử dụng không đúng mục đích hoặc số dư nợ gốc không trả đúng hạn của khách hàng vay vốn. Ngân hàng Chính sách xã hội phối hợp với chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các biện pháp thu hồi nợ vay theo đúng quy định của pháp luật và quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội.

4. Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành hướng dẫn chi tiết việc điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ và chuyển nợ quá hạn tại Điều này.

Điều 11. Nguồn vốn cho vay

Nguồn vốn cho vay thực hiện chương trình tín dụng đối với học sinh, sinh viên gồm:

1. Vốn ngân sách nhà nước đã cấp cho Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện chương trình tín dụng đối với học sinh, sinh viên trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

2. Vốn hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định của pháp luật.

3. Vốn ủy thác bao gồm: ngân sách địa phương; các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; tổ chức tín dụng; doanh nghiệp nhà nước; các tổ chức tài chính, kinh tế khác và vốn ủy thác khác theo quy định của pháp luật.

4. Nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Phân loại nợ và xử lý nợ bị rủi ro

Việc phân loại nợ và xử lý nợ bị rủi ro đối với các khoản vay theo quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định của pháp luật về phân loại nợ và xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Ngân hàng Chính sách xã hội:

a) Ban hành quy định hướng dẫn chi tiết về hồ sơ, trình tự và thủ tục vay vốn, kỳ hạn trả nợ, mức trả nợ, cơ cấu lại thời hạn trả nợ, chuyển nợ quá hạn và các nội dung liên quan khác theo quy định tại Quyết định này;

b) Quản lý, huy động và sử dụng nguồn vốn để thực hiện cho vay theo quy định tại Quyết định này, đảm bảo đúng đối tượng, đủ điều kiện, đầy đủ hồ sơ, đúng mục đích, rõ ràng, công khai và minh bạch; định kỳ chủ trì, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ sở đào tạo và cơ quan liên quan để thực hiện việc kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng vốn vay của khách hàng nhằm bảo đảm việc sử dụng vốn vay đúng mục đích, tạo điều kiện thuận lợi cho người học trong việc vay vốn và khả năng thu hồi vốn vay;

c) Định kỳ rà soát, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện cho vay theo quy định tại Quyết định này để kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế, những vấn đề rủi ro có thể phát sinh để xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật;

d) Phối hợp với các cơ sở đào tạo rà soát các trường hợp học sinh, sinh viên không tiếp tục vay vốn tại ngân hàng; trường hợp học sinh, sinh viên bị buộc thôi học hoặc tự thôi học, trên cơ sở thông báo của các cơ sở đào tạo, Ngân hàng Chính sách xã hội có trách nhiệm thu hồi nợ vay;

đ) Xây dựng các chỉ tiêu thống kê, đánh giá hiệu quả hoạt động tín dụng của chương trình tín dụng học sinh, sinh viên và định kỳ hàng năm đánh giá hiệu quả hoạt động tín dụng của chương trình;

e) Phối hợp với các bộ, ngành liên quan báo cáo cấp có thẩm quyền để kịp thời xử lý những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện cho vay theo quy định tại Quyết định này.

2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan và Ngân hàng Chính sách xã hội xem xét trình Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quyết định này (nếu cần thiết).

3. Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan và Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn tiêu chí, quy trình xác nhận đối tượng được vay vốn theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 2 Quyết định này.

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ngành, địa phương có cơ sở đào tạo:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội, Ủy ban nhân dân địa phương và các cơ quan, tổ chức có liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách tín dụng đối với học sinh, sinh viên;

b) Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội cung cấp, chia sẻ dữ liệu phục vụ quản lý, giám sát việc thực hiện chính sách tín dụng đối với học sinh, sinh viên theo quy định của pháp luật;

c) Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác để triển khai Quyết định này theo quy định của pháp luật.

5. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

a) Xem xét, báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định của pháp luật để cho vay theo Quyết định này;

b) Chỉ đạo các cơ quan chức năng trên địa bàn phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội, các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền, phổ biến, triển khai, quản lý, giám sát, kiểm tra chính sách tín dụng đối với học sinh, sinh viên theo đúng quy định của pháp luật và Quyết định này.

6. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Xác nhận đối tượng vay vốn quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 2 Quyết định này;

b) Chỉ đạo các cơ quan chức năng trên địa bàn xã phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Chính sách xã hội, các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền, phổ biến, triển khai, quản lý, giám sát, kiểm tra chính sách tín dụng đối với học sinh, sinh viên theo đúng quy định của pháp luật và Quyết định này.

7. Các cơ sở đào tạo:

a) Thực hiện việc xác nhận cho học sinh, sinh viên theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này;

b) Phối hợp với Ủy ban nhân dân các cấp và Ngân hàng Chính sách xã hội tổ chức phổ biến, tuyên truyền và triển khai thực hiện chính sách đối với học sinh, sinh viên theo quy định tại Quyết định này;

c) Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện việc kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng vốn vay của khách hàng nhằm bảo đảm việc sử dụng vốn vay đúng mục đích, tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh, sinh viên trong việc vay vốn và khả năng thu hồi vốn vay.

d) Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội thông báo các trường hợp học sinh, sinh viên bị buộc thôi học hoặc tự thôi học tại cơ sở đào tạo theo quy định tại Quyết định này.

8. Khách hàng vay vốn có trách nhiệm sử dụng vốn vay đúng mục đích, phải hoàn hoàn trả nợ gốc, nợ lãi theo đúng thời hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Điều 14. Xử lý vi phạm

Các tổ chức, cá nhân thực hiện không đúng quy định về tín dụng đối với học sinh, sinh viên quy định tại Quyết định này, tùy theo mức độ vi phạm sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

2. Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên và Quyết định số 05/2022/QĐ-TTg ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

3. Đối với các hợp đồng tín dụng đã ký trước ngày Quyết định này có hiệu lực:

a) Ngân hàng Chính sách xã hội, khách hàng vay vốn và các bên liên quan tiếp tục được thực hiện theo các cam kết, các quyền hạn và trách nhiệm ghi trong hợp đồng tín dụng đã ký giữa các bên; trừ việc điều chỉnh kỳ hạn trả nợ quy định tại Điều 10 Quyết định này được áp dụng đối với các kỳ hạn trả nợ tiếp theo trong hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành;

b) Mức vay vốn tối đa quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định này được áp dụng đối với các khoản giải ngân mới kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành;

c) Đối với các nội dung thay đổi, Ngân hàng Chính sách xã hội có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cụ thể cho khách hàng vay vốn, bảo đảm không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng vay vốn.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b). M.Cường 15

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nguyễn Văn Thắng

Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số 50/2026/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN
TÌNH TRẠNG HỌC TẬP CỦA HỌC SINH, SINH VIÊN

Họ và tên học sinh/sinh viên (HSSV):.....

Ngày sinh:……/……/…… Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ

CC/CCCD số: ..... ngày cấp ...../...../..... Nơi cấp: .....

Mã trường theo học:…….. ……

Tên trường:…… ……...

Ngành học:……..……Hệ đào tạo:……..

Khóa:……...Loại hình đào tạo:…….....

Lớp:……. Mã số HSSV:……Số điện thoại:……

Khoa:…….....

Ngày nhập học:…/.../… Thời gian ra trường dự kiến (tháng/năm):…/…/…

Thời gian đã học tại trường:…….tháng.

Thời gian được trường cho phép nghỉ học tạm thời và được bảo lưu kết quả học tập ……. tháng (nếu có).

- Số tiền học phí phải nộp: .....đồng/tháng.
- Tổng học phí HSSV đã nộp trong khóa học là …. đồng

Trạng thái học tập: ☐ Đang theo học ☐ Nghỉ học tạm thời ☐ Khác: .....

....., ngày .... tháng ..... năm ……

HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)

(Ký tên, đóng dấu)